TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ung Tuấn Kiệt – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1310/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu C – Sinh năm: 1978 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 50/7G ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T - Sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 50/7G ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Đức T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2010, chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 30 tháng 3 năm 2010.

Sau khi cưới chúng tôi sống chung tại xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống trong việc chăm sóc con, không tôn trọng nhau, vợ chồng không quan tâm chăm sóc và xây dựng gia đình.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 04 con chung Nguyễn Đức T1 sinh ngày 12/6/2011, Nguyễn Phương Thanh T2 sinh ngày 27/8/2014, Nguyễn Đức L sinh ngày 06/5/2020, Nguyễn Đức P sinh ngày 06/5/2020. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục 04 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, Nguyễn Phương Thanh T2, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức P. Về cấp dưỡng: tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị Thu C yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu C và ông Nguyễn Đức T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 30 tháng 3 năm 2010 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu C: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức T không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà C để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà C thì trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc và xây dựng gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà C và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T.

[6] Về con chung: Bà C và ông T có 04 con chung Nguyễn Đức T1 sinh ngày 12/6/2011, Nguyễn Phương Thanh T2 sinh ngày 27/8/2014, Nguyễn Đức L sinh ngày 06/5/2020, Nguyễn Đức P sinh ngày 06/5/2020. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Đức T1, Nguyễn Phương Thanh T2, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức P cho bà C trực tiếp nuôi.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông T cũng không có ý kiến yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con của ông T cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Bà C không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà C không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà C chịu. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị Thu C được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Bà C và ông T có 04 con chung Nguyễn Đức T1 sinh ngày 12/6/2011, Nguyễn Phương Thanh T2 sinh ngày 27/8/2014, Nguyễn Đức L sinh ngày 06/5/2020, Nguyễn Đức P sinh ngày 06/5/2020. Giao con chung tên Nguyễn Đức T1, Nguyễn Phương Thanh T2, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức P cho bà Võ Thị Thu C trực tiếp nuôi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Đức T cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thu C không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà C đã nộp theo biên lai số BLTU/23P/0016771 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND X. Suối Nghệ, H. Châu Đức, T. Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật